

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HUNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST

Ngày 31-8-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HUNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Viết Tuấn

Ông Nguyễn Thành Khoang.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 91/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Võ Thị L, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Số nhà 62, Thôn X, xã Đ, huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

-Bị đơn: Ông Hồ Minh Tr, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Số nhà 69, ấp T, xã B, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị L trình bày:

Bà L và ông Tr quen biết và tìm hiểu nhau một thời gian ngắn thì được sự đồng ý của hai bên gia đình nên hai người tổ chức lễ cưới vào tháng 10 năm 2008, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/5/2010 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Sau khi cưới, vợ chồng làm ăn sinh sống tại ấp T, xã B, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An với gia đình ông Tr.

Cuộc sống vợ chồng ngay từ thời gian đầu đã không được hạnh phúc, nguyên nhân do ông Tr không lo làm ăn, không chăm lo cho vợ con và gia đình

ông Tr cũng khó khăn với bà L. Đến tháng 6 năm 2018 thì bà L về nhà cha mẹ ruột ở Thôn X, xã Đ, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận sinh sống cho đến nay. Hiện bà L không còn tình cảm với ông Tr nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Trong quá trình chung sống bà L và ông Tr có 02 con chung là Hồ Minh Nh (nữ), sinh ngày 09/9/2009 và Hồ Minh Q (nam), sinh ngày 12/01/2011, hai con đang sống cùng bà L. Về thu nhập, bà L cho rằng bản thân có nguồn thu nhập ổn định, nghề nghiệp của bà L là kỹ thuật may và hiện nay bà L đang làm gia công tại nhà nên thu nhập một tháng từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng. Bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có.

Bị đơn ông Hồ Minh Tr trình bày ý kiến tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 12/8/2022 như sau:

Ông Tr thống nhất với phần trình bày của bà L về quá trình tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn, có 02 con chung, về tài sản chung và nợ chung không có. Ông Tr cho rằng thời gian đầu vợ chồng ông chung sống vẫn hạnh phúc bình thường, chỉ có thời gian sau này bà L chỉ chăm lo cho cha ruột của bà L, không quan tâm đến chồng con nên vợ chồng mới xảy ra những mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Hai con hiện đang sống cùng bà L, hàng năm ông Tr có ra Bình Thuận thăm vợ con. Nghề nghiệp của ông Tr là đi làm thuê, thu nhập không ổn định. Trước yêu cầu của bà L, ông Tr không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ thương con. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông Tr không đồng ý giao con cho bà L nuôi vì bà L đang sống chung nhà với cha ruột bà L mà chưa có nhà riêng, ông Tr yêu cầu được nuôi 02 con chung Hồ Minh Nh và Hồ Minh Q, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung ông Tr cho rằng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh của Tòa án:

Chính quyền địa phương nơi cư trú của ông Tr cung cấp thông tin: Bà L và ông Tr có sinh sống tại ấp T, xã B, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An một thời gian. Khoảng năm 2018, bà L đã di khỏi địa phương đến nay. Bà L và ông Tr có 02 con chung, hiện sống cùng bà L. Ông Tr vẫn sinh sống tại địa phương, nghề nghiệp của ông Tr là làm thuê, làm mướn, thu nhập cụ thể thì địa phương không nắm rõ. Về mâu thuẫn giữa hai người thì địa phương không nắm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật, vắng mặt không có lý do tại buổi hòa giải ngày 22/7/2022.

Về nội dung vụ án: Bà L và ông Tr xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Bà L xin ly hôn vì cuộc sống vợ

chồng không còn hạnh phúc, đã sống ly thân. Ông Tr không đồng ý ly hôn nhưng cũng không thể hiện thiện chí và có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hai người đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông Tr đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

Về con chung: Xét thấy hai con chung đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng sống chung với mẹ, hai con chung cũng đang do bà L đang nuôi dưỡng, chăm sóc nên cần đảm bảo sự ổn định cuộc sống của hai con chung, căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của bà L. Do bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông Tr trình bày không có không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Từ những cơ sở trên, căn cứ quy định tại các điều 28, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn xin ly hôn của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã B, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Ông Hồ Minh Tr có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Tr xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An vào năm 2010 nên đây là hôn nhân hợp pháp, việc bà L xin ly hôn sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà L cho rằng quá trình chung sống, ngay từ thời gian đầu đã không hạnh phúc, nguyên nhân do ông Tr không quan tâm chăm lo cho vợ, con. Ngoài ra, gia đình ông Tr cũng khó khăn với bà L nên bà L đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2018 đến nay. Hiện cả hai không còn tình cảm và đã sống ly thân nên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[2.3] Ông Tr không đồng ý ly hôn với bà L nhưng ông không có thiện chí và không đưa ra được giải pháp khả thi để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà L.

Ngoài ra, kết quả xác minh của Tòa án cũng phù hợp với những lời trình bày của bà L.

[2.4] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông Tr đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, căn cứ quy định tại các điều 19, 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

[3] Về con chung: Bà L và ông Tr có hai con chung hiện bà L đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, bà L và ông Tr đều yêu cầu được nuôi con. Xét thấy hai con chung đang do bà L trực tiếp nuôi dưỡng và được cho đi học (Hồ Minh Nh đang học lớp 8A, Hồ Minh Q đang học lớp 6D Trường Trung học cơ sở ĐT, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận) nên cần đảm bảo môi trường ổn định cho hai em và hai con chung cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ nên tiếp tục giao con chung cho bà L nuôi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do bà L không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa, bà L xác định bà và ông Tr có tài sản chung nhưng bà L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nợ chung không có nên không đề cập.

[5] Về án phí: Bà L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị L.

Về hôn nhân: Bà Võ Thị L được ly hôn với ông Hồ Minh Tr.

Về con chung: Giao hai con chung tên Hồ Minh Nh (nữ), sinh ngày 09/9/2009 và Hồ Minh Q (nam), sinh ngày 12/01/2011 cho bà Võ Thị L trực tiếp

nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà Võ Thị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Bà Võ Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0003721 ngày 07/7/2022 sang tiền án phí.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa được biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND, Chi cục THADS H. Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- UBND xã B, huyện Vĩnh Hưng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Yến Linh